

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 17-6- 2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị N và anh L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Quân;

Ông Đặng Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Thông báo xét xử vụ án số 13/2021/TBXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị G, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện X tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị N nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng; anh L, bà G tiếp tục vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định vào ngày 01/7/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được ly hôn anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 28/4/2014; hiện con đang ở với anh L, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị trình bày khi ký hôn chị xin nhận nuôi con C và không yêu cầu anh Luận phải cấp dưỡng nuôi con, sau đó chị xin thay đổi quan điểm là nhường quyền cho anh L tiếp nuôi con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức L đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị N.

Người làm chứng là bà Trần Thị G trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức L. Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đức L tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân. Sau khi chị Ngọc và anh Luận lấy nhau ở với gia đình bà được một thời gian rồi đi Hà Nội làm ăn, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, chị N nghi ngờ anh L có quan hệ với người phụ nữ khác. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải chị N và anh L để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Từ tháng 11/2020 đến nay chị N và anh L đã sống ly thân, chị N và anh L không thể hàn gắn được hạnh phúc. Hiện anh L không có nhà mà đi làm ăn xa. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án, các giấy báo của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đối với anh L, bà đều thông báo ngay cho anh L biết nhưng anh Luận bận không thể về Tòa án làm việc được. Ý kiến của anh L, chị N quyết tâm xin ly hôn thì anh L cũng nhất trí. Về con chung: Khi ly hôn anh L xin nhận tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản gì, không nợ tài sản của ai.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh L đi làm ăn xa không ở nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các

đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N đối với anh Nguyễn Đức L; giao con chung chưa thành niên cho anh Nguyễn Đức L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đức L là hợp pháp, được xác lập từ ngày 01/7/2013. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ghi ngờ lòng chung thủy, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020. Nay chị N xin ly hôn, anh L mặc dù đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Điều này chứng tỏ anh L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với chị N. A chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 không quan tâm đến nhau, như vậy anh chị không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của L hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải chung sống cùng nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị N đối với anh Nguyễn Đức L.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung tên là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 28/4/2014; hiện con đang ở với anh L. Khi ly hôn chị N nhường quyền cho anh L tiếp tục nuôi con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L có nguyện vọng xin tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị N nhường quyền cho anh L tiếp tục nuôi con là phù hợp, bởi lẽ hiện con đang ở với anh L cũng như chị N không muốn xáo trộn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con, mặt khác nguyện vọng của cháu Quỳnh C có nguyện vọng là xin được ở với anh L vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình giao con chung cho anh L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 28/4/2014 cho anh Nguyễn Đức L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Vũ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002023 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Chị Ngọc đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vũ Thị N, bị đơn anh Nguyễn Đức L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Long

